

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Điều hành</b>	2 – 4
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ</b>	5 – 6
<b>Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số doanh nghiệp số 0600004422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 05/01/2005, thay đổi lần thứ 12 ngày 29/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Công ty có các chi nhánh sau:

#### **Tên chi nhánh**

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội  
(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

#### **Địa chỉ**

Tầng 4, số 459C phố Bạch Mai, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

### **SỰ KIỆN TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN**

Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 2404/2023/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 04 năm 2023 của Công ty cổ phần đầu tư Sao Thăng Long về việc: rút hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ ngày 17/05/2022, Hội đồng quản trị đã quyết định thông qua việc rút hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ để mua sàn thương mại Chợ Mơ của Công ty CP đầu tư trung tâm thương mại Vina.

Công ty đã gửi văn bản số 2205/2023/CV-DST ngày 22/05/2023 kèm theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 2404/2023/NQ-HĐQT ngày 24/4/2023 về việc dừng triển khai hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo phương án đã được thông qua tại Nghị Quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2022 số 0509/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5/9/2022 và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước gửi công văn số 3350/UBCK-QLCB ngày 06/06/2023 thông báo đã nhận được hồ sơ.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Văn Cường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm, ngày 12/01/2023
Bà Phạm Thị Nhài	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm, ngày 12/01/2023

**Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2023
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2023

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, Công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Điều hành Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, Tp. Nam Định, T. Nam Định

sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tài chính tiếp theo.
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan về lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Nam Định, ngày 25 tháng 08 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Chủ tịch



Nguyễn Đức Hiếu



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
**TTP AUDITTING LIMITED COMPANY**

Số : 486 /BCKT/TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:**           **Quý cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị**  
**Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

**Trách nhiệm của Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự

đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**



**Trần Thị Hạnh**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*  
Số: 0726-2023-133-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>41.551.541.427</b>	<b>27.448.215.531</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>486.408.680</b>	<b>1.857.465.888</b>
111	1. Tiền		486.408.680	1.857.465.888
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>2.362.044.600</b>	<b>1.759.954.800</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		5.011.980.754	5.011.980.754
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(2.649.936.154)	(3.252.025.954)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>21.970.248.120</b>	<b>21.767.910.975</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.483.177.977	5.531.603.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.300.000	82.532.641
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	18.704.000.000	16.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	810.195.775	199.200.114
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(45.425.632)	(45.425.632)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	10	<b>16.469.633.263</b>	<b>2.002.703.003</b>
141	1. Hàng tồn kho		16.550.572.604	2.654.043.094
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(80.939.341)	(651.340.091)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>263.206.764</b>	<b>60.180.865</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	26.127.000	700.003
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		132.638.984	59.480.862
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	104.440.780	-
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>366.081.766.233</b>	<b>385.559.914.370</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.790.796.301</b>	<b>3.413.606.770</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.790.796.301	3.413.606.770
222	- Nguyên giá		4.329.998.958	3.886.947.140
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(539.202.657)	(473.340.370)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>362.172.070.167</b>	<b>382.007.070.167</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		306.172.070.167	302.007.070.167
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		56.000.000.000	80.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>118.899.765</b>	<b>139.237.433</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	33.063.373	53.401.041
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		85.836.392	85.836.392
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>407.633.307.660</b>	<b>413.008.129.901</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023**  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>26.209.025.101</b>	<b>17.349.241.699</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>26.209.025.101</b>	<b>17.349.241.699</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	14.307.997.482	3.900.784.746
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	600.656.477	24.672.069
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	10.710.002.150	12.211.041.870
314	4. Phải trả người lao động		299.144.742	227.999.832
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	291.224.250	984.743.182
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>381.424.282.559</b>	<b>395.658.888.202</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>381.424.282.559</b>	<b>395.658.888.202</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		323.000.000.000	323.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		323.000.000.000	323.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		113.603.333	113.603.333
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(437.449.533)	(437.449.533)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		291.971.737	291.971.737
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		58.446.497.054	72.680.859.437
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		72.680.859.437	40.741.524.696
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(14.234.362.383)	31.939.334.741
422	6. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.659.968	9.903.228
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>407.633.307.660</b>	<b>413.008.129.901</b>

Nam Định, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Trịnh Thị Duyên

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	8.477.775.893	7.849.502.886
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		8.477.775.893	7.849.502.886
11	4. Giá vốn hàng bán	19	7.730.670.671	7.225.524.583
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		747.105.222	623.978.303
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	3.452.171.993	42.072.604.616
22	7. Chi phí tài chính	21	15.281.823.965	12.263.722.167
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	14.786.301
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	22	127.343.800	109.922.480
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	3.035.812.674	1.245.858.356
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		(14.245.703.224)	29.077.079.916
31	12. Thu nhập khác	24	12.200.000	4
32	13. Chi phí khác	25	1.102.419	116.717.398
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		11.097.581	(116.717.394)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(14.234.605.643)	28.960.362.522
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	3.993.896.904
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	1.836.074.128
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		(14.234.605.643)	23.130.391.490
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(14.234.362.383)	23.130.572.433
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(243.260)	(180.943)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(442)	718
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Nam Định, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Trịnh Thị Duyên

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Phương pháp gián tiếp**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	(14.234.605.643)	28.960.362.522
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	(4.558.800.256)	(29.760.340.653)
02	- Khấu hao tài sản cố định	65.862.287	47.401.796
03	- Các khoản dự phòng	(1.172.490.550)	12.250.075.866
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(3.452.171.993)	(42.072.604.616)
06	- Chi phí lãi vay	-	14.786.301
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	(18.793.405.899)	(799.978.131)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	2.339.063.953	(32.444.188.136)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	13.896.529.510	9.954.585.895
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(17.327.748.602)	(14.001.343.353)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(5.089.329)	(19.285.207)
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.620.527.016)	(6.075.557.950)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(21.511.177.383)</b>	<b>(43.385.766.882)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	(443.051.818)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH		
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(70.198.651.300)	(19.816.527.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	126.694.651.300	39.816.527.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(160.377.600.000)	(21.012.600.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	121.012.600.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.452.171.993	42.124.418.315
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>20.140.120.175</b>	<b>41.111.818.315</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	4.100.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(4.146.623.535)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(46.623.535)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	<b>(1.371.057.208)</b>	<b>(2.320.572.102)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.857.465.888	2.941.400.122
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<b>486.408.680</b>	<b>620.828.020</b>

Nam Định, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Trịnh Thị Duyên

Kế toán trưởng

Đoàn Văn Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng*

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HDQT ngày 28/12/2017.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600004422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 05/01/2005, thay đổi lần thứ 12 ngày 29/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 32.300.000 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 30/06/2023 là: 16 người.

Công ty có các chi nhánh sau:

#### Tên chi nhánh

#### Địa chỉ

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội  
(Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)

Tầng 4, số 459 C phố Bạch Mai, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

#### Cơ cấu tổ chức :

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong kỳ
1	Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,88%	99,88%	TP Nam Định	Kinh doanh sách giáo khoa
2	Công ty CP Chợ Mơ	49,00%	49,00%	TP Hà Nội	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa

**Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống.

### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính**

Theo thông báo số 118/2023/TB/VCTD-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex (VCTD) gửi Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long (DST) về việc Công ty mua lại cổ phần theo Quyết định của Công ty để giảm vốn điều lệ; Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long đã có Quyết định số 3105/2023/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần VCTD hiện DST đang nắm giữ: 2.000.000 cổ phần;
- Số lượng CP chuyển nhượng: 600.000 cổ phần;
- Giá chuyển nhượng: 13.500 đ/cổ phần.

Nhiệm vụ chuyển nhượng này làm cho kết quả kinh doanh trong kỳ bị lỗ.

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm

nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## 2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.11. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

#### **2.13. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2023.

#### 2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 2.16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long và các Công ty con, bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
<b>Công ty con</b>				
1	Công ty CP sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,88%	99,88%	TP Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	431.066.238	353.521.487
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.342.442	1.503.944.401
<b>Cộng</b>	<b>486.408.680</b>	<b>1.857.465.888</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.011.980.754</b>	<b>(2.649.936.154)</b>	<b>5.011.980.754</b>	<b>(3.252.025.954)</b>
- Chứng khoán kinh doanh (*)	5.011.980.754	(2.649.936.154)	5.011.980.754	(3.252.025.954)
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.011.980.754</b>	<b>(2.649.936.154)</b>	<b>5.011.980.754</b>	<b>(3.252.025.954)</b>

(\*) Chi tiết chứng khoán kinh doanh cuối kỳ

- Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu dầu khí Nam Định: Số lượng 231.573 CP, giá trị 5.011.980.754 VNĐ. Đơn vị thực hiện trích lập dự phòng giám giá chứng khoán theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2023. Cụ thể như sau:

	SL CP	Giá gốc	Giá tại ngày 30/06/2023	Dự phòng
CP Công ty CP xăng dầu dầu khí Nam Định	231.573	21.643	10.200	2.649.936.154

**b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết (Xem chi tiết tại Phụ lục số 01)**

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Phải thu các phòng Giáo dục		2.529.074.965
Phải thu các trường	2.483.177.977	2.449.327.704
Các đối tượng khác		553.201.183
<b>Cộng</b>	<b>2.483.177.977</b>	<b>5.531.603.852</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Kiểm toán TTP		75.000.000
Công Ty Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc		7.532.641
Công ty Cổ phần Thương mại công nghệ Nam Khánh	3.300.000	
<b>Cộng</b>	<b>3.300.000</b>	<b>82.532.641</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư Công nghệ SMARTTECH (i)	10.785.000.000	-	16.000.000.000	-
Bà Đình Thị Thu Trang (ii)	7.919.000.000	-		-
<b>Cộng</b>	<b>18.704.000.000</b>	<b>-</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

*(i): - Hợp đồng cho vay số 01/2022/HĐCV-DST-SMARTTECH ngày 20/12/2022 giữa DST và Công ty CP Đầu tư Công nghệ SMARTTECH*

+ Số tiền cho vay: 16 tỷ đồng

+ Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh

+ Thời hạn cho vay: 12 tháng

+ Lãi suất vay: 8%/năm

- Số dư còn cho vay tại 30/6/2023 là: 10.785.000.000 đồng

*(ii): - Hợp đồng cho vay số 28062023/HĐ-DST-DTTT ngày 28/06/2023 giữa DST và Bà Đình Thị Thu Trang*

+ Số tiền cho vay: 8.919.000.000 đồng

+ Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh

+ Thời hạn cho vay: 12 tháng (từ ngày 28/6/2023 đến ngày 28/6/2024)

+ Lãi suất vay: 8%/năm

- Số dư còn cho vay tại 30/6/2023 là: 7.919.000.000 đồng

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>810.195.775</b>	-	<b>199.200.114</b>	-
Tạm ứng	-	-	50.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.000.000	-	-	-
Phải thu khác ngắn hạn (*)	805.195.775	-	199.150.114	-
<b>Cộng</b>	<b>810.195.775</b>	-	<b>199.200.114</b>	-

(\*) Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty cổ phần đầu tư công nghệ Smarttech	643.455.343	
Các khoản khác	161.740.432	199.150.114
<b>Tổng cộng</b>	<b>805.195.775</b>	<b>199.150.114</b>

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
Đỗ Thị Hường	14.980.188	4.494.056	14.980.188	4.494.056
Trường Mầm non Lộc Vượng	31.025.300	15.512.650	31.025.300	15.512.650
Trường Mầm non Hoa Sữa	18.910.400	9.455.200	18.910.400	9.455.200
Các đối tượng khác	19.943.300	9.971.650	19.943.300	9.971.650
<b>Cộng</b>	<b>84.859.188</b>	<b>39.433.556</b>	<b>84.859.188</b>	<b>39.433.556</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	16.550.572.604	(80.939.341)	2.654.043.094	(651.340.091)
	<b>16.550.572.604</b>	<b>(80.939.341)</b>	<b>2.654.043.094</b>	<b>(651.340.091)</b>

Tại ngày 30/06/2023 ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho số tiền là: 80.939.341 VND. Đối với các mặt hàng có giá trị thuần thấp hơn giá gốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiết phụ lục số 02

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ		700.003
- Chi phí chờ phân bổ	26.127.000	
<b>Cộng</b>	<b>26.127.000</b>	<b>700.003</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ	33.063.373	53.401.041
<b>Cộng</b>	<b>33.063.373</b>	<b>53.401.041</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Giáo dục Cảnh Điều	4.999.185.840	4.999.185.840	959.848.886	959.848.886
Công ty TNHH EDUCATION SOLUTION VN	323.900.000	323.900.000	165.442.400	165.442.400
Nhà sách giáo dục Bình Minh	-	-	347.639.400	347.639.400
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	-	-	1.888.957.105	1.888.957.105
Công ty CP đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	8.028.323.550	8.028.323.550	532.062.715	532.062.715
Các đối tượng khác	956.588.092	956.588.092	6.834.240	6.834.240
<b>Cộng</b>	<b>14.307.997.482</b>	<b>14.307.997.482</b>	<b>3.900.784.746</b>	<b>3.900.784.746</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Phát hành sách Ninh Bình		23.985.069
Các đại lý	600.656.477	
Các đối tượng khác		687.000
<b>Cộng</b>	<b>600.656.477</b>	<b>24.672.069</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		6.602.170		6.602.170		-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.181.894.561		1.620.527.016	104.440.780	10.665.808.325
Thuế Thu nhập cá nhân		22.545.139	80.280.373	84.758.687		18.066.825
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		-	52.254.000	26.127.000		26.127.000
Các loại thuế khác		-	6.000.000	6.000.000		-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	1.091.021	1.091.021		-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>12.211.041.870</b>	<b>139.625.394</b>	<b>1.745.105.894</b>	<b>104.440.780</b>	<b>10.710.002.150</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	20.235.000	8.925.000
Bảo hiểm xã hội	64.500	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	270.924.750	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	975.818.182
<b>Cộng</b>	<b>291.224.250</b>	<b>984.743.182</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 05)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Các cổ đông	323.000.000.000	100,0%	323.000.000.000	100,0%
	<b>323.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ trước VND	Kỳ này VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	323.000.000.000	323.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	<b>323.000.000.000</b>	<b>323.000.000.000</b>



**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)**

<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.300.000	32.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
- Cổ phiếu phổ thông	81.000	81.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.219.000	32.219.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

<b>f. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	8.447.775.893	7.849.502.886
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>8.477.775.893</b>	<b>7.849.502.886</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá vốn bán hàng hàng hóa	7.725.216.126	7.225.524.583
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.454.545	
<b>Cộng</b>	<b>7.730.670.671</b>	<b>7.225.524.583</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi, cho vay	608.171.993	4.082.768
- Lãi trái phiếu	-	3.332.120.548
-Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	-	38.736.401.300
-Lãi mua bán cổ phần	2.844.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>3.452.171.993</b>	<b>42.072.604.616</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí lãi vay	-	14.786.301
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	(618.176.035)	12.248.935.866
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	15.900.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>15.281.823.965</b>	<b>12.263.722.167</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí khác bằng tiền	127.343.800	109.922.480
<b>Cộng</b>	<b>127.343.800</b>	<b>109.922.480</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	52.230.671	23.070.349
- Chi phí nhân công	2.388.281.949	863.204.428
- Chi phí khấu hao	65.862.287	23.700.898
- Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	4.306.355
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	388.276.999	199.477.053
- Chi phí khác bằng tiền	135.160.768	130.959.273
- Chi phí dự phòng	-	1.140.000
<b>Cộng</b>	<b>3.035.812.674</b>	<b>1.245.858.356</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Thu nhập khác	12.200.000	4
<b>Cộng</b>	<b>12.200.000</b>	<b>4</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	1.102.419	116.717.398
- Khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.102.419</b>	<b>116.717.398</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(14.234.362.383)	23.130.572.433
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(14.234.362.383)	23.130.572.433
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	32.219.000	32.219.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(442)</b>	<b>718</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	52.230.671	23.070.349
- Chi phí nhân công	2.388.281.949	863.204.428
- Chi phí khấu hao	65.862.287	23.700.898
- Chi phí dự phòng	-	1.140.000
- Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	4.306.355
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	388.276.999	199.477.053
- Chi phí khác bằng tiền	262.504.568	240.881.753
<b>Cộng</b>	<b>3.163.156.474</b>	<b>1.355.780.836</b>

## 28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	486.408.680		1.857.465.888	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.293.373.752	(45.425.632)	5.730.803.966	(45.425.632)
Các khoản cho vay	18.704.000.000		16.000.000.000	
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754	(2.649.936.154)	5.011.980.754	(3.252.025.954)
Đầu tư dài hạn	56.000.000.000	-	80.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>83.495.763.186</b>	<b>(2.695.361.786)</b>	<b>108.600.250.608</b>	<b>(3.297.451.586)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
			VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác			14.599.221.732	4.885.527.928
<b>Cộng</b>			<b>14.599.221.732</b>	<b>4.885.527.928</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	486.408.680			486.408.680
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.293.373.752	-		3.293.373.752
Các khoản cho vay	18.704.000.000	-		18.704.000.000
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754			5.011.980.754
Đầu tư dài hạn		56.000.000.000	-	56.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.495.763.186</b>	<b>56.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>83.495.763.186</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.857.465.888			1.857.465.888
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.730.803.966	-		5.730.803.966
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-		16.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754			5.011.980.754
Đầu tư dài hạn		80.000.000.000	-	80.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.600.250.608</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>108.600.250.608</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	14.599.221.732	-		14.599.221.732
<b>Cộng</b>	<b>14.599.221.732</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.599.221.732</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.885.527.928	-		4.885.527.928
<b>Cộng</b>	<b>4.885.527.928</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.885.527.928</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động dịch vụ	Đơn vị tính: VND	
				Tổng	
Doanh thu thuần ra bên ngoài	8.447.775.893	-	30.000.000	8.477.775.893	
Chi phí bộ phận	7.725.216.126	-	5.454.545	7.730.670.671	
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>722.559.767</b>	<b>-</b>	<b>24.545.455</b>	<b>747.105.222</b>	
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>				<b>3.163.156.474</b>	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(2.416.051.252)	
Doanh thu hoạt động tài chính				3.452.171.993	
Chi phí tài chính				15.281.823.965	
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết				-	
Thu nhập khác				12.200.000	
Chi phí khác				1.102.419	
Thuế TNDN hiện hành				-	
Thuế TNDN hoãn lại				-	
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>(14.234.605.643)</b>	

**31. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**

**a. Thông tin các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	Ông Trần Minh Tuấn là thành viên HĐQT Công ty đồng thời là thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Smart Invest
Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc

**b. Giao dịch với bên liên quan**

**- Giao dịch phát sinh trong kỳ**

	<u>Kỳ này</u>	
	VND	
<b>Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest</b>		
Doanh thu cho thuê văn phòng		30.000.000
<b>Số dư các bên liên quan</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>	VND	VND
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	33.000.000	

c. Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc

		Kỳ này
		VND
- Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	200.906.250
Cộng		200.906.250

(\*). Ngoài Ông Bùi Việt Dũng có thu nhập thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao.

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Điều hành cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP soát xét.

Người lập biểu

Trịnh Thị Duyên

Kế toán trưởng

Đoàn Văn Cường

Nam Định, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết</b>	306.172.070.167	-	-	302.007.070.167
Công ty Cổ phần Chợ Mơ (1)	306.172.070.167	(*)	-	302.007.070.167 (*)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	56.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex (2)	56.000.000.000	(*)	-	80.000.000.000 (*)
<b>Tổng cộng</b>	<b>362.172.070.167</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>382.007.070.167</b>

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số CP	Mệnh giá/CP	Giá ghi sổ	Số CP
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết</b>	4.581.500	10.000	306.172.070.167	4.165.000
Công ty Cổ phần Chợ Mơ (1)	4.581.500	10.000	306.172.070.167	4.165.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	1.400.000	10.000	56.000.000.000	2.000.000
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex (2)	1.400.000	10.000	56.000.000.000	2.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.981.500</b>	<b>20.000</b>	<b>362.172.070.167</b>	<b>6.165.000</b>

(1) Trong năm 2022 đơn vị có thực hiện việc đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Chợ Mơ từ Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan theo 3 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3181/2022/HDCNCP ngày 31/80/2022; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 21092/2022/HDCNCP ngày 21/09/2022 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2012/2022/HDCNCP ngày 20/12/2022. Ngày 11/01/2023, DST chuyển tiền mua cổ phiếu do Công ty CP Chợ Mơ tăng vốn điều lệ. Đến thời điểm 30/06/2023, giá trị đầu tư vào công ty CP Chợ Mơ cụ thể như sau:

	Số lượng CP	Mệnh giá CP	Giá mua/CP	Tổng giá trị mua
Công ty CP Chợ Mơ				
Phần mua theo HĐ chuyển nhượng	4.165.000	10.000	72.500	301.962.500.000
Phần mua khi tăng vốn	416.500	10.000	10.000	4.165.000.000
<b>Tổng</b>	<b>4.581.500</b>			<b>306.127.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(2) Theo thông báo số 118/2023/TB/VCTD-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Công ty CP phát triển TM Vinaconex (VCTD) gửi Công ty CP đầu tư Sao Thăng Long (DST) về việc Công ty mua lại cổ phần theo Quyết định của Công ty để giảm vốn điều lệ; Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long đã có Quyết định số 3105/2023/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2023 về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP phát triển thương mại Vinaconex. Cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần VCTD hiện DST đang nắm giữ: 2.000.000 cổ phần;

- Số lượng CP chuyển nhượng: 600.000 cổ phần;

- Giá chuyển nhượng: 13.500 đ/cổ phần

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Thông tin chi tiết về đầu tư vào các Công ty liên kết, Công ty khác của công ty tại ngày 30/06/2023 như sau:**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chợ Mơ	Số 12 ngõ 69 phố Ái Mộ. - Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - Hà Nội.	49,00%	49,00%	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	Số 459 Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số đầu năm</b>	3.886.947.140	443.051.818			3.886.947.140	443.051.818
- Mua trong kỳ						
- Đầu tư hoàn thành						
- Phân loại lại						
- Góp vốn bằng tài sản						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.886.947.140</b>	<b>443.051.818</b>			<b>4.329.998.958</b>	
<b>Giá trị hao mòn</b>						
<b>Số đầu năm</b>	473.340.370				473.340.370	
- Khấu hao trong kỳ	65.862.287				65.862.287	
- Tăng khác						
- Phân loại lại						
- Góp vốn bằng tài sản						
- Thanh lý nhượng bán						
- Giảm khác						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>539.202.657</b>				<b>539.202.657</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	3.413.606.770				3.413.606.770	
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>3.347.744.483</b>	<b>443.051.818</b>			<b>3.790.796.301</b>	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**  
Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU		Đơn vị tính: VND					
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu							
Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển				
		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát				
			Cộng				
<b>Số dư đầu năm trước</b>	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	37.469.118.824	9.300.812	360.446.545.173
- Tăng vốn trong năm trước							-
- Lãi (lỗ) trong năm trước					31.939.334.740	602.416	31.939.937.156
- Tăng khác					3.272.405.873		3.272.405.873
- Giảm khác							-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	72.680.859.437	9.903.228	395.658.888.202
<b>Số dư đầu năm nay</b>	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	72.680.859.437	9.903.228	395.658.888.202
- Tăng vốn trong kỳ này							-
- Lãi (lỗ) trong kỳ này					(14.234.362.383)	(243.260)	(14.234.605.643)
- Tăng khác							-
- Trích lập các quỹ							-
- Giảm khác							-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	58.446.497.054	9.659.968	381.424.282.559

